

UBND TỈNH HẬU GIANG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
(BAN KIỂM SOÁT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2021/QĐ-BKS

Hậu Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang
(sửa đổi, bổ sung năm 2021)

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang đã được thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ-ĐHĐCD ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc thống nhất thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang (sửa đổi, bổ sung năm 2021) (Có bản quy chế kèm theo).

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Các phòng ban trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (đ/b);
- Sở Tài chính (b/c);
- Lưu: VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lý Hạnh Phúc

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN HẬU GIANG
(sửa đổi, bổ sung năm 2021)**

*(Ban hành kèm theo QĐ số 01 /2021/QĐ-BKS ngày 30 tháng 6 năm 2021
của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMTNT Hậu Giang)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn.

2. Đối tượng chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát:

a) Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong quản lý Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn (sau đây gọi tắt là Công ty);

b) Các hoạt động điều hành của Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty;

c) Các chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo, và các hồ sơ có liên quan của Công ty.

3. Đối tượng áp dụng:

- Ban Kiểm soát; thành viên Ban Kiểm soát;

- Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị;

- Cổ đông của Công ty Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn;

- Giám đốc và bộ máy điều hành;

- Đơn vị, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính nhằm bảo vệ lợi ích của Công ty và Cổ đông.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Công ty.

3. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân về phạm vi công việc được phân công của từng thành viên Ban

Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách, độc lập trong nghiệp vụ, đảm bảo tính tuân thủ. Trưởng Ban Kiểm soát là người đưa ra kết luận cuối cùng trong các cuộc họp nội bộ của Ban Kiểm soát.

4. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban Kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

5. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc.

CHƯƠNG II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY, QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty hiện tại là 03 (ba) người. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm

ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 (năm) năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 4. Bộ máy giúp việc của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát được sử dụng các nguồn lực của Công ty, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Ban Kiểm soát được sử dụng Thư ký và các trợ lý, bộ máy giúp việc của các phòng nghiệp vụ để thực hiện một số công việc tại các cuộc họp Ban Kiểm soát và các công việc khác có liên quan.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Nhiệm vụ:

a. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;

đ. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết

hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông (quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp);

e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban Kiểm soát.

2. Quyền hạn:

a. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác của Công ty;

b. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

c. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

d. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

đ. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát:

- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Ban Kiểm soát thông qua và được sự đồng ý của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty: yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác hoặc đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

- Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban Kiểm soát;
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký báo cáo sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
5. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật;
6. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cuộc họp khác; phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết;
7. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
8. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban Kiểm soát;

9. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

10. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;

11. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công về quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát;

12. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. Thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;

13. Có quyền yêu cầu được tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ của mình;

14. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định khác một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của cổ đông và Công ty;

2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát;

3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường;

4. Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chứng từ, sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính, các hồ sơ khác và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);

5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty (thông qua Trưởng Ban Kiểm soát) cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;

6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;

7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành khi được phân công, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với những Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản

trị thì được quyền đề nghị ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

8. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;

9. 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc vượt quá thẩm quyền được giao;

10. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của Công ty;

11. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của cổ đông và Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của cổ đông và Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan:

a. Thành viên Ban Kiểm soát phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty bao gồm:

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và Người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người khác đứng tên quản lý trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc số cổ phần đó;

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ

chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc;

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng số cổ phần hoặc phần vốn góp từ 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

b. Việc kê khai quy định tại mục a khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

c. Việc kê khai quy định tại mục a khoản 4 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất hoặc thông báo định kỳ hàng năm cho cổ đông của Công ty và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường:

a. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này mà gây thiệt hại đến Công ty thì thành viên Ban Kiểm soát vi phạm phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được từ các vi phạm nêu trên phải hoàn trả cho Công ty.

b. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát để yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH VỀ ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ, TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát (trong danh sách dự kiến đã được chấp thuận) được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

a. Họ tên, ngày tháng năm sinh;

- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- đ. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- e. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Ban Kiểm soát có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Việc đề cử ứng viên Ban Kiểm soát mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

4. Trường hợp các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban Kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 10. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty:

1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
5. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
6. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng

thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của bất kỳ doanh nghiệp nào;

7. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty (người có liên quan được quy định tại Điều lệ của Công ty).

8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự;
- b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và quy định của pháp luật;
- c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, đạo đức nghề nghiệp trung thực và hiểu biết pháp luật;
- d. Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- đ. Có kinh nghiệm công tác từ 03 (ba) năm trở lên; am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
- e. Không phải là người có liên quan của người quản lý Công ty;
- f. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- g. Các tiêu chuẩn khác theo Điều 169 - Luật Doanh nghiệp.

2. Ban Kiểm soát có ít nhất 01 (một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:

- a. Mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- b. Chết;
- c. Vi phạm các quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
- d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo lĩnh vực công việc được phân công của từng thành viên trong Ban Kiểm soát. Trưởng Ban là thành viên làm việc chuyên trách tại Công ty.
2. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm một hoặc một số lĩnh vực công việc theo sự phân công của Trưởng ban; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về quyết định và hành vi của mình.
3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định tài chính 06 (sáu) tháng, báo cáo của Ban Kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 14. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quyền lợi khác và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao, tiền thưởng và được hưởng các quyền lợi khác như người quản lý của Công ty, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập của thành viên Ban Kiểm soát được Công ty thanh toán theo quy định.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Các quyền lợi khác theo Điều 170 – Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ban hành các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất sẽ phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 05 (năm) ngày. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang bằng nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do Trưởng ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban triệu tập và làm chủ tọa.

3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trưởng Ban Kiểm soát;
- d. 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát;
- đ. Giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, đ khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.

Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên

Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

5. Trong các cuộc họp của Ban, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

6. Địa điểm họp: các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác do Trưởng Ban Kiểm soát quyết định.

Điều 16. Trình tự tổ chức và tiến hành họp của Ban Kiểm soát

1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát, bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

2. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 03 (ba) ngày trước ngày họp. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, kèm các tài liệu liên quan, phiếu biểu quyết (nếu có). Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Trưởng Ban Kiểm soát trước khi họp.

3. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.

4. Trường hợp triệu tập Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm ngày) tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của thành viên Ban Kiểm soát không tham gia dự họp.

Điều 17. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Mỗi thành viên tham dự sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Quyết định của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

5. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề nào đó, thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên Ban Kiểm soát có mặt tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

6. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban Kiểm soát;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến;

đ. Phương án biểu quyết, gồm: tán thành, không tán thành, và không có ý kiến;

e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty;

g. Họ và tên, chữ ký của thành viên được lấy ý kiến và Trưởng Ban Kiểm soát.

Điều 18. Biên bản họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát và ký tên vào biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

3. Sổ biên bản và biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại Ban Kiểm soát theo quy định của tài liệu mật, do Trưởng Ban Kiểm soát quản lý và chỉ cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông;

** Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải có những nội dung sau:*

- Ngày, tháng, năm họp; Giờ bắt đầu, giờ kết thúc;
- Ghi rõ cuộc họp là định kỳ hay bất thường, nếu là bất thường phải ghi rõ lý do, người yêu cầu họp;
- Thành phần tham gia họp/ những người vắng mặt;
- Những nội dung được đưa ra trao đổi;
- Kết luận và biểu quyết về từng vấn đề.

CHƯƠNG V

QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN, TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin và tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát nhận được các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;

- b. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo quản trị, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- d. Các báo cáo gửi các Sở, Ban, ngành... của Công ty;
- đ. Các văn bản, quyết định, tài liệu do Công ty phát hành;
- e. Các văn bản, quyết định, tài liệu khác.

2. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Nếu một thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban Kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban Kiểm soát có liên quan.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu (các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính và các chi nhánh, xí nghiệp) liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Công ty làm việc. Tuy nhiên, việc tiếp cận các thông tin, tài liệu hoặc đến các địa điểm làm việc nêu trên phải được thông qua và có sự chấp thuận của Giám đốc hoặc Trưởng Ban Kiểm soát trước khi thực hiện. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 20. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban Kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban Kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Công ty và pháp luật.

2. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài

liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.

3. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ trong vòng 02 năm tiếp theo.

4. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

1. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước:

Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Quan hệ với các cổ đông:

a. Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;

- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban Kiểm soát;

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

b. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và gửi báo cáo theo quy định.

3. Quan hệ với Hội đồng quản trị:

a. Hội đồng quản trị bảo đảm chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan;

b. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát và thực hiện báo cáo kết quả giám sát theo quy định. Khi nhận được kết quả giám sát và những đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận của Hội đồng quản trị;

c. Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ Công

ty. Hội đồng quản trị đảm bảo Ban Kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này;

d. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Giám đốc về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng cổ đông.

4. Quan hệ với Ban Giám đốc:

a. Ban Giám đốc đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan;

b. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc mời Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp Ban Giám đốc hoặc các cuộc họp khác;

c. Ban Giám đốc và người quản lý Công ty thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban Giám đốc và người quản lý Công ty thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm soát;

d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc và người quản lý Công ty cần báo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát (báo cáo bằng văn bản);

đ. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát theo quy định. Giám đốc thông báo cho BKS những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, kiến nghị để Ban Kiểm soát theo dõi.

5. Quan hệ với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc:

a. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

b. Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra, giám sát chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho BKS; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 22. Điều kiện đảm bảo vật chất làm việc của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát được sử dụng máy móc, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát;

- Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu, văn bản của Ban Kiểm soát hoặc tài liệu có liên quan, kể cả các khiếu nại của cổ đông đến Ban Kiểm soát một cách kịp thời, đầy đủ, chính xác.

Điều 23. Khen thưởng và kỷ luật

1. Thành viên Ban Kiểm soát được khen thưởng và kỷ luật theo quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty.

2. Hàng năm, Trưởng Ban Kiểm soát tiến hành tổ chức việc đánh giá hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật để Hội đồng quản trị tổng hợp trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 6 Chương, 26 Điều, được thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc những quy định mới của pháp luật có liên quan khác với những nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do Ban Kiểm soát thực hiện và có hiệu lực thi hành khi được đa số các thành viên Ban Kiểm soát chấp thuận; và có sự đồng thuận của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng các phòng ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

